**PHỤ LỤC XIV**

**MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TỪ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ (6 THÁNG HOẶC CẢ NĂM)**
(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị báo cáo: Sở Lao động-TBXH tỉnh/thành phố ……………… Mã tỉnh: |   |   |   |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG**
**KỲ BÁO CÁO (6 tháng hoặc cả năm)…… NĂM ...**

Ngày báo cáo: …………

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Cục Thống kê ………….

**I. Thông tin tổng quan**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại hình cơ sở | Mã số | Cơ sở | Lực lượng lao động | Tổng số TNLĐ | Tần suất TNLĐ(1) | Ghi chú |
| Tổng số | Số cơ sở tham gia báo cáo | Tổng số lao động | Số LĐ của cơ sở tham gia báo cáo | Số lao động nữ | Số người bị nạn | KTNLĐ | Kchết |
| Tổng số | Số người bị chết | Số người bị thương nặng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| Tổng số |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Phân theo loại hình cơ sở |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

**II. Phân loại TNLĐ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu thống kê | Mã số | Theo mức độ thương tật | Thiệt hại do TNLĐ |
| Số vụ TNLĐ | Số người bị nạn TNLĐ | Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động | Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ) | Thiệt hại tài sản (1.000 đ) |
| Tổng số | Số vụ có người chết | Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên | Tổng số | Số lao động nữ | Số người chết | Số người bị thương nặng | Tổng số | Khoản chi cụ thể của cơ sở |
| Y tế | Trả lương trong thời gian Điều trị | Bồi thường /Trợ cấp |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Tổng số |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Phân theo ngành(2) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Phân theo nguyên nhân(3) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Phân theo yếu tố gây chấn thương(4) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Phân theo nghề nghiệp(5) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**(Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC**(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(1) Tần suất TNLĐ được tính theo công thức: . Trong đó: N số người bị TNLĐ hoặc số người chết trong kỳ báo cáo; P là tổng số lao động của cơ sở tham gia báo cáo.

(2) Ghi tên ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

(3) Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động.

(4) Ghi tên và mã số theo danh Mục yếu tố gây chấn thương.

(5) Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh Mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

**PHỤ LỤC XV**

**MẪU BÁO CÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**
(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Đơn vị báo cáo: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố....

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG**
**Kỳ báo cáo (6 tháng hoặc cả năm)... năm ...**
Ngày báo cáo: ……………….

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu thống kê |   | Phân loại TNLĐ theo mức độ thương tật |
| Số vụ (vụ) | Số người bị nạn (người) |
| Tổng số | Số vụ có người chết | Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên | Tổng số | Số LĐ nữ | Số người chết | Số người bị thương nặng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Phân theo nghề nghiệp(1) |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| …… |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Tổng số: |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**(Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC**(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(1) Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh Mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.